

BẢNG GIÁ THE HABITAT BÌNH DUONG - GIAI ĐOẠN 3



Ngày 04/12/2025

NO STT	Type Loại	Tower Tháp	Floor Tầng	Location Vị Trí	Unit No Mã Căn	Direction Hướng	Carpet Area Diện tích thông thủy (m2)	Wall Centerline Area Diện tích tim tường (m2)	Sale Price (excluding VAT/VND) Giá dự kiến trước thuế (VND)	Land value (estimated) Giá trị đất (dự kiến)	VAT Thuế	Sale Price (including VAT/VND) Giá dự kiến sau thuế (VND)	Maintenance Fee Phí bảo trì
1	2PN	C1	02	03	C1.0203	South East/ Đông Nam	73.3	79.2	3,314,940,936	14,289,371	330,065,157	3,645,006,093	66,298,819
2	2PN	C1	13	04	C1.1304	South East/ Đông Nam	73.3	79.2	3,416,555,267	14,289,371	340,226,590	3,756,781,857	68,331,105
3	2PN	C1	13	05	C1.1305	South East/ Đông Nam	73.3	79.2	3,433,810,597	14,289,371	341,952,123	3,775,762,720	68,676,212
4	2PN	C1	13	07	C1.1307	North West/ Tây Bắc	64.2	69.9	2,847,692,660	12,515,384	283,517,728	3,131,210,388	56,953,853
5	2PN	C1	18	02	C1.1802	North West/ Tây Bắc	61.7	66.9	2,848,208,995	12,028,025	283,618,097	3,131,827,092	56,964,180
6	2PN	C1	18	07	C1.1807	North West/ Tây Bắc	64.2	69.9	2,963,614,546	12,515,384	295,109,916	3,258,724,462	59,272,291
7	2PN	C2	03	07	C2.0307	South East/ Đông Nam	74.8	80.7	3,545,587,306	14,581,787	353,100,552	3,898,687,858	70,911,746
8	2PN	C2	09	03	C2.0903	North West/ Tây Bắc	64.2	69.9	2,847,553,093	12,515,384	283,503,771	3,131,056,864	56,951,062
9	2PN	C2	13	08	C2.1308	South East/ Đông Nam	77.1	83.7	3,786,309,650	15,030,157	377,127,949	4,163,437,599	75,726,193
10	2PN	C2	14	03	C2.1403	North West/ Tây Bắc	64.2	69.9	2,861,931,124	12,515,384	284,941,574	3,146,872,698	57,238,622
11	2PN	C2	14	07	C2.1407	South East/ Đông Nam	74.8	80.7	3,708,738,133	14,581,787	369,415,635	4,078,153,768	74,174,763
12	2PN	C2	18	01	C2.1801	South East/ Đông Nam	72.8	78.8	3,720,674,960	14,191,899	370,648,306	4,091,323,266	74,413,499
13	2PN	C2	18	03	C2.1803	North West/ Tây Bắc	64.2	69.9	2,963,614,546	12,515,384	295,109,916	3,258,724,462	59,272,291
14	2PN	C2	18	04	C2.1804	North West/ Tây Bắc	61.7	66.9	2,819,649,211	12,028,025	280,762,119	3,100,411,330	56,392,984
15	2PN	C2	18	05	C2.1805	North West/ Tây Bắc	61.7	66.9	2,833,677,317	12,028,025	282,164,929	3,115,842,246	56,673,546
16	2PN	C2	18	06	C2.1806	North West/ Tây Bắc	61.7	66.9	2,848,208,995	12,028,025	283,618,097	3,131,827,092	56,964,180
17	2PN	C2	18	08	C2.1808	South East/ Đông Nam	77.1	83.7	3,940,440,101	15,030,157	392,540,994	4,332,981,095	78,808,802
18	2PN	C3	04	04	C3.0404	South East/ Đông Nam	73.3	79.2	3,248,884,972	14,289,371	323,459,560	3,572,344,532	64,977,699
19	2PN	C3	13	07	C3.1307	South East/ Đông Nam	77.1	83.6	3,611,825,335	15,030,157	359,679,518	3,971,504,853	72,236,507
20	2PN	C3	16	07	C3.1607	South East/ Đông Nam	77.1	83.6	3,703,121,029	15,030,157	368,809,087	4,071,930,116	74,062,421
21	2PN	C3	18	01	C3.1801	South East/ Đông Nam	71.5	77.6	3,485,836,440	13,938,473	347,189,797	3,833,026,237	69,716,729
22	2PN	C3	18	02	C3.1802	South East/ Đông Nam	73.6	79.5	3,778,895,882	14,347,854	376,454,803	4,155,350,685	75,577,918
23	2PN	C3	18	03	C3.1803	North West/ Tây Bắc	61.7	66.9	2,848,208,995	12,028,025	283,618,097	3,131,827,092	56,964,180
24	2PN	C3	18	04	C3.1804	North West/ Tây Bắc	61.7	66.9	2,819,649,211	12,028,025	280,762,119	3,100,411,330	56,392,984
25	2PN	C3	18	07	C3.1807	South East/ Đông Nam	77.1	83.6	3,758,853,000	15,030,157	374,382,284	4,133,235,284	75,177,060
26	2PN	D1	02	04	D1.0204	North West/ Tây Bắc	73.3	79.2	3,194,747,049	14,289,371	318,045,768	3,512,792,817	63,894,941
27	2PN	D1	02	05	D1.0205	North West/ Tây Bắc	73.3	79.2	3,226,382,837	14,289,371	321,209,347	3,547,592,184	64,527,657
28	2PN	D1	02	06	D1.0206	South East/ Đông Nam	64.9	70.2	2,732,049,282	12,651,844	271,939,744	3,003,989,026	54,640,986
29	2PN	D1	02	07	D1.0207	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,040,755,415	14,152,911	302,660,250	3,343,415,665	60,815,108
30	2PN	D1	03	06	D1.0306	South East/ Đông Nam	64.9	70.2	2,745,778,173	12,651,844	273,312,633	3,019,090,806	54,915,563
31	2PN	D1	03	07	D1.0307	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,056,035,593	14,152,911	304,188,268	3,360,223,861	61,120,712
32	2PN	D1	04	06	D1.0406	South East/ Đông Nam	64.9	70.2	2,718,182,412	12,651,844	270,553,057	2,988,735,469	54,363,648
33	2PN	D1	04	07	D1.0407	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,025,321,668	14,152,911	301,116,876	3,326,438,544	60,506,433
34	2PN	D1	05	06	D1.0506	South East/ Đông Nam	64.9	70.2	2,773,443,269	12,651,844	276,079,142	3,049,522,411	55,468,865
35	2PN	D1	05	07	D1.0507	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,086,826,690	14,152,911	307,267,378	3,394,094,068	61,736,534
36	2PN	D1	06	07	D1.0607	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,102,338,381	14,152,911	308,818,547	3,411,156,928	62,046,768
37	2PN	D1	07	07	D1.0707	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,133,517,662	14,152,911	311,936,475	3,445,454,137	62,670,353
38	2PN	D1	08	07	D1.0807	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,196,267,922	14,152,911	318,211,501	3,514,479,423	63,925,358
39	2PN	D1	09	07	D1.0907	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,196,502,941	14,152,911	318,235,003	3,514,737,944	63,930,059
40	2PN	D1	10	06	D1.1006	South East/ Đông Nam	64.9	70.2	2,843,689,459	12,651,844	283,103,761	3,126,793,220	56,873,789
41	2PN	D1	10	07	D1.1007	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,165,010,301	14,152,911	315,085,739	3,480,096,040	63,300,206
42	2PN	D1	11	06	D1.1106	South East/ Đông Nam	64.9	70.2	2,857,907,906	12,651,844	284,525,606	3,142,433,512	57,158,158

NO STT	Type Loại	Tower Tháp	Floor Tầng	Location Vị Trí	Unit No Mã Căn	Direction Hướng	Carpet Area Diện tích thảm thủy (m2)	Wall Centerline Area Diện tích tim tường (m2)	Sale Price (excluding VAT/VND) Giá dự kiến trước thuế (VND)	Land value (estimated) Giá trị đất (dự kiến)	VAT Thuế	Sale Price (including VAT/VND) Giá dự kiến sau thuế (VND)	Maintenance Fee Phí bảo trì
43	2PN	D1	11	07	D1.1107	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,180,835,353	14,152,911	316,668,244	3,497,503,597	63,616,707
44	2PN	D1	12	06	D1.1206	South East/ Đông Nam	64.9	70.2	2,872,197,445	12,651,844	285,954,560	3,158,152,005	57,443,949
45	2PN	D1	12	07	D1.1207	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,196,739,530	14,152,911	318,258,662	3,514,998,192	63,934,791
46	2PN	D1	13	02	D1.1302	North West/ Tây Bắc	73.3	79.2	3,374,929,787	14,289,371	336,064,042	3,710,993,829	67,498,596
47	2PN	D1	13	03	D1.1303	North West/ Tây Bắc	73.3	79.2	3,358,546,633	14,289,371	334,425,726	3,692,972,359	67,170,933
48	2PN	D1	13	05	D1.1305	North West/ Tây Bắc	73.3	79.2	3,374,929,787	14,289,371	336,064,042	3,710,993,829	67,498,596
49	2PN	D1	13	06	D1.1306	South East/ Đông Nam	64.9	70.2	2,872,125,641	12,651,844	285,947,380	3,158,073,021	57,442,513
50	2PN	D1	13	07	D1.1307	South East/ Đông Nam	72.6	78.9	3,196,659,611	14,152,911	318,250,670	3,514,910,281	63,933,192
51	2PN	D1	14	07	D1.1407	South East/Đông Nam	72.6	78.9	3,212,642,909	14,152,911	319,849,000	3,532,491,909	64,252,858
52	2PN	D1	15	07	D1.1507	South East/Đông Nam	72.6	78.9	3,261,155,432	14,152,911	324,700,252	3,585,855,684	65,223,109
53	2PN	D1	16	02	D1.1602	North West/Tây Bắc	73.3	79.2	3,460,237,499	14,289,371	344,594,813	3,804,832,312	69,204,750
54	2PN	D1	17	02	D1.1702	North West/Tây Bắc	73.3	79.2	3,494,839,874	14,289,371	348,055,050	3,842,894,924	69,896,797
55	2PN	D1	17	03	D1.1703	North West/Tây Bắc	73.3	79.2	3,477,874,632	14,289,371	346,358,526	3,824,233,158	69,557,493
56	2PN	D1	17	05	D1.1705	North West/ Tây Bắc	73.3	79.2	3,494,839,874	14,289,371	348,055,050	3,842,894,924	69,896,797
57	2PN	D1	17	07	D1.1707	South East/Đông Nam	72.6	78.9	3,310,235,821	14,152,911	329,608,291	3,639,844,112	66,204,716
58	2PN	D1	18	02	D1.1802	North West/Tây Bắc	73.3	79.2	3,512,314,074	14,289,371	349,802,470	3,862,116,544	70,246,281
59	2PN	D1	18	03	D1.1803	North West/Tây Bắc	73.3	79.2	3,495,264,005	14,289,371	348,097,463	3,843,361,468	69,905,280
60	2PN	D1	18	04	D1.1804	North West/ Tây Bắc	73.3	79.2	3,477,960,718	14,289,371	346,367,135	3,824,327,853	69,559,214
61	2PN	D1	18	05	D1.1805	North West/ Tây Bắc	73.3	79.2	3,512,314,074	14,289,371	349,802,470	3,862,116,544	70,246,281
62	2PN	D1	18	06	D1.1806	South East/Đông Nam	64.9	70.2	2,989,042,127	12,651,844	297,639,028	3,286,681,155	59,780,843
63	2PN	D1	18	07	D1.1807	South East/Đông Nam	72.6	78.9	3,326,787,000	14,152,911	331,263,409	3,658,050,409	66,535,740
64	2PN	D2	02	01	D2.0201	South East/Đông Nam	68.3	74	3,096,276,750	13,314,653	308,296,210	3,404,572,960	61,925,535
65	2PN	D2	02	03	D2.0203	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,147,211,531	14,289,371	313,292,216	3,460,503,747	62,944,231
66	2PN	D2	02	04	D2.0204	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,147,371,288	14,289,371	313,308,192	3,460,679,480	62,947,426
67	2PN	D2	03	03	D2.0303	South East/Đông Nam	68.3	74	3,111,835,930	13,314,653	309,852,128	3,421,688,058	62,236,719
68	2PN	D2	03	05	D2.0305	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,163,026,665	14,289,371	314,873,729	3,477,900,394	63,260,533
69	2PN	D2	03	06	D2.0306	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,179,082,637	14,289,371	316,479,327	3,495,561,964	63,581,653
70	2PN	D2	04	01	D2.0401	South East/Đông Nam	68.3	74	3,065,158,391	13,314,653	305,184,374	3,370,342,765	61,303,168
71	2PN	D2	04	02	D2.0402	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,115,581,265	14,289,371	310,129,189	3,425,710,454	62,311,625
72	2PN	D2	04	03	D2.0403	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,115,581,265	14,289,371	310,129,189	3,425,710,454	62,311,625
73	2PN	D2	04	04	D2.0404	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,115,500,985	14,289,371	310,121,161	3,425,622,146	62,310,020
74	2PN	D2	05	03	D2.0503	South East/Đông Nam	68.3	74	3,127,473,296	13,314,653	311,415,864	3,438,889,160	62,549,466
75	2PN	D2	05	05	D2.0505	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,178,921,271	14,289,371	316,463,190	3,495,384,461	63,578,425
76	2PN	D2	05	06	D2.0506	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,195,057,927	14,289,371	318,076,856	3,513,134,783	63,901,159
77	2PN	D2	06	03	D2.0603	South East/Đông Nam	68.3	74	3,143,189,242	13,314,653	312,987,459	3,456,176,701	62,863,785
78	2PN	D2	07	03	D2.0703	South East/Đông Nam	68.3	74	3,190,574,005	13,314,653	317,725,935	3,508,299,940	63,811,480
79	2PN	D2	07	04	D2.0704	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,227,005,255	14,289,371	321,271,588	3,548,276,843	64,540,105
80	2PN	D2	07	05	D2.0705	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,243,060,007	14,289,371	322,877,064	3,565,937,071	64,861,200
81	2PN	D2	07	06	D2.0706	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,259,522,241	14,289,371	324,523,287	3,584,045,528	65,190,445
82	2PN	D2	08	04	D2.0804	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,275,492,221	14,289,371	326,120,285	3,601,612,506	65,509,844
83	2PN	D2	08	05	D2.0805	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,291,627,650	14,289,371	327,733,828	3,619,361,478	65,832,553
84	2PN	D2	08	06	D2.0806	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,308,336,420	14,289,371	329,404,705	3,637,741,125	66,166,728
85	2PN	D2	08	07	D2.0807	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,476,153,560	13,763,023	346,239,054	3,822,392,614	69,523,071
86	2PN	D2	09	04	D2.0904	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,275,653,575	14,289,371	326,136,420	3,601,789,995	65,513,072
87	2PN	D2	09	05	D2.0905	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,291,869,682	14,289,371	327,758,031	3,619,627,713	65,837,394
88	2PN	D2	09	06	D2.0906	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,308,579,680	14,289,371	329,429,031	3,638,008,711	66,171,594

NO STT	Type Loại	Tower Tháp	Floor Tầng	Location Vị Trí	Unit No Mã Căn	Direction Hướng	Carpet Area Diện tích thảm thủy (m2)	Wall Centerline Area Diện tích tim tường (m2)	Sale Price (excluding VAT/VND) Giá dự kiến trước thuế (VND)	Land value (estimated) Giá trị đất (dự kiến)	VAT Thuế	Sale Price (including VAT/VND) Giá dự kiến sau thuế (VND)	Maintenance Fee Phí bảo trì
89	2PN	D2	09	07	D2.0907	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,476,409,159	13,763,023	346,264,614	3,822,673,773	69,528,183
90	2PN	D2	09	08	D2.0908	North West/ Tây Bắc	77.1	83.7	3,778,898,885	15,030,157	376,386,873	4,155,285,758	75,577,978
91	2PN	D2	10	03	D2.1003	South East/Đông Nam	68.3	74	3,206,686,411	13,314,653	319,337,176	3,526,023,587	64,133,728
92	2PN	D2	10	05	D2.1005	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,259,437,468	14,289,371	324,514,810	3,583,952,278	65,188,749
93	2PN	D2	10	06	D2.1006	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,275,982,836	14,289,371	326,169,346	3,602,152,182	65,519,657
94	2PN	D2	10	07	D2.1007	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,442,158,823	13,763,023	342,839,580	3,784,998,403	68,843,176
95	2PN	D2	11	03	D2.1103	South East/Đông Nam	68.3	74	3,222,719,843	13,314,653	320,940,519	3,543,660,362	64,454,397
96	2PN	D2	11	04	D2.1104	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,259,355,982	14,289,371	324,506,661	3,583,862,643	65,187,120
97	2PN	D2	11	05	D2.1105	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,275,734,656	14,289,371	326,144,528	3,601,879,184	65,514,693
98	2PN	D2	11	06	D2.1106	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,292,362,750	14,289,371	327,807,338	3,620,170,088	65,847,255
99	2PN	D2	11	07	D2.1107	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,459,369,617	13,763,023	344,560,659	3,803,930,276	69,187,392
100	2PN	D2	11	08	D2.1108	North West/ Tây Bắc	77.1	83.7	3,760,376,695	15,030,157	374,534,654	4,134,911,349	75,207,534
101	2PN	D2	12	01	D2.1201	North West/ Tây Bắc	72.8	78.8	3,568,407,270	14,191,899	355,421,537	3,923,828,807	71,368,145
102	2PN	D2	12	04	D2.1204	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,275,652,762	14,289,371	326,136,339	3,601,789,101	65,513,055
103	2PN	D2	12	05	D2.1205	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,292,113,329	14,289,371	327,782,396	3,619,895,725	65,842,267
104	2PN	D2	12	07	D2.1207	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,476,666,465	13,763,023	346,290,344	3,822,956,809	69,533,329
105	2PN	D2	13	04	D2.1304	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,275,488,157	14,289,371	326,119,879	3,601,608,036	65,509,763
106	2PN	D2	13	05	D2.1305	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,292,031,026	14,289,371	327,774,165	3,619,805,191	65,840,621
107	2PN	D2	13	06	D2.1306	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,308,741,843	14,289,371	329,445,247	3,638,187,090	66,174,837
108	2PN	D2	13	07	D2.1307	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,476,579,548	13,763,023	346,281,653	3,822,861,201	69,531,591
109	2PN	D2	13	08	D2.1308	North West/ Tây Bắc	77.1	83.7	3,779,084,099	15,030,157	376,405,394	4,155,489,493	75,581,682
110	2PN	D2	14	06	D2.1406	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,325,285,553	14,289,371	331,099,618	3,656,385,171	66,505,711
111	2PN	D2	14	07	D2.1407	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,493,962,446	13,763,023	348,019,942	3,841,982,388	69,879,249
112	2PN	D2	14	08	D2.1408	North West/ Tây Bắc	77.1	83.7	3,797,979,520	15,030,157	378,294,936	4,176,274,456	75,959,590
113	2PN	D2	15	01	D2.1501	North West/ Tây Bắc	72.8	78.8	3,640,312,463	14,191,899	362,612,056	4,002,924,519	72,806,249
114	2PN	D2	15	03	D2.1503	South East/Đông Nam	68.3	74	3,304,097,558	13,314,653	329,078,291	3,633,175,849	66,081,951
115	2PN	D2	15	06	D2.1506	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,375,499,036	14,289,371	336,120,966	3,711,620,002	67,509,981
116	2PN	D2	15	08	D2.1508	North West/ Tây Bắc	77.1	83.7	3,855,330,919	15,030,157	384,030,076	4,239,360,995	77,106,618
117	2PN	D2	16	01	D2.1601	North West/ Tây Bắc	72.8	78.8	3,658,514,026	14,191,899	364,432,213	4,022,946,239	73,170,281
118	2PN	D2	16	03	D2.1603	South East/Đông Nam	68.3	74	3,320,618,046	13,314,653	330,730,339	3,651,348,385	66,412,361
119	2PN	D2	16	07	D2.1607	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,564,456,650	13,763,023	355,069,363	3,919,526,013	71,289,133
120	2PN	D2	17	01	D2.1701	North West/ Tây Bắc	72.8	78.8	3,695,099,166	14,191,899	368,090,727	4,063,189,893	73,901,983
121	2PN	D2	17	04	D2.1704	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,392,119,532	14,289,371	337,783,016	3,729,902,548	67,842,391
122	2PN	D2	17	07	D2.1707	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,600,101,216	13,763,023	358,633,819	3,958,735,035	72,002,024
123	2PN	D2	17	08	D2.1708	North West/ Tây Bắc	77.1	83.7	3,913,353,650	15,030,157	389,832,349	4,303,185,999	78,267,073
124	2PN	D2	18	01	D2.1801	North West/ Tây Bắc	72.8	78.8	3,713,574,662	14,191,899	369,938,276	4,083,512,938	74,271,493
125	2PN	D2	18	03	D2.1803	South East/Đông Nam	68.3	74	3,370,593,347	13,314,653	335,727,869	3,706,321,216	67,411,867
126	2PN	D2	18	06	D2.1806	South East/Đông Nam	73.3	79.2	3,443,431,797	14,289,371	342,914,243	3,786,346,040	68,868,636
127	2PN	D2	18	07	D2.1807	North West/ Tây Bắc	70.6	75.9	3,618,101,722	13,763,023	360,433,870	3,978,535,592	72,362,034
128	2PN	D3	13	01	D3.1301	North West/ Tây Bắc	71.5	77.6	3,341,919,541	13,938,473	332,798,107	3,674,717,648	66,838,391
129	2PN	D3	13	06	D3.1306	South East/Đông Nam	77.1	83.2	3,657,450,323	15,030,157	364,242,017	4,021,692,340	73,149,006
130	2PN	D3	13	08	D3.1308	North West/ Tây Bắc	73.2	79.2	3,438,399,548	14,269,877	342,412,967	3,780,812,515	68,767,991
131	2PN	D3	13	09	D3.1309	North West/ Tây Bắc	74.1	80.2	3,463,443,888	14,445,326	344,899,856	3,808,343,744	69,268,878
132	3PN	C1	13	06	C1.1306	South East/Đông Nam	89.6	96.2	4,217,677,425	17,466,953	420,021,047	4,637,698,472	84,353,548
133	3PN	C1	14	06	C1.1406	South East/Đông Nam	89.6	96.2	4,238,765,812	17,466,953	422,129,886	4,660,895,698	84,775,316
134	3PN	C1	18	06	C1.1806	South East/Đông Nam	89.6	96.2	4,389,367,694	17,466,953	437,190,074	4,826,557,768	87,787,354

NO STT	Type Loại	Tower Tháp	Floor Tầng	Location Vị Trí	Unit No Mã Căn	Direction Hướng	Carpet Area Diện tích thông thủy (m2)	Wall Centerline Area Diện tích tim tường (m2)	Sale Price (excluding VAT/VND) Giá dự kiến trước thuế (VND)	Land value (estimated) Giá trị đất (dự kiến)	VAT Thuế	Sale Price (including VAT/VND) Giá dự kiến sau thuế (VND)	Maintanance Fee Phí bảo trì
135	3PN	C2	16	02	C2.1602	South East/ Đông Nam	91.5	98.1	4,628,292,208	17,837,346	461,045,486	5,089,337,694	92,565,844
136	3PN	D1	03	01	D1.0301	South West/ Tây Nam	88	95.9	3,873,516,888	17,155,043	385,636,184	4,259,153,072	77,470,338
137	3PN	D1	04	01	D1.0401	South West/ Tây Nam	88	95.9	3,834,587,070	17,155,043	381,743,203	4,216,330,273	76,691,741
138	3PN	D1	05	01	D1.0501	South West/ Tây Nam	88	95.9	3,912,544,520	17,155,043	389,538,948	4,302,083,468	78,250,890
139	3PN	D1	06	01	D1.0601	South West/ Tây Nam	88	95.9	3,932,205,547	17,155,043	391,505,050	4,323,710,597	78,644,111
140	3PN	D1	07	01	D1.0701	South West/ Tây Nam	88	95.9	3,971,725,201	17,155,043	395,457,016	4,367,182,217	79,434,504
141	3PN	D1	08	01	D1.0801	South West/ Tây Nam	88	95.9	4,051,260,987	17,155,043	403,410,594	4,454,671,581	81,025,220
142	3PN	D1	09	01	D1.0901	South West/ Tây Nam	88	95.9	4,051,558,873	17,155,043	403,440,383	4,454,999,256	81,031,177
143	3PN	D1	10	01	D1.1001	South West/ Tây Nam	88	95.9	4,011,642,037	17,155,043	399,448,699	4,411,090,736	80,232,841
144	3PN	D1	11	01	D1.1101	South West/ Tây Nam	88	95.9	4,031,700,247	17,155,043	401,454,520	4,433,154,767	80,634,005
145	3PN	D1	13	01	D1.1301	South West/ Tây Nam	88	95.9	4,051,757,452	17,155,043	403,460,241	4,455,217,693	81,035,149
146	3PN	D1	14	01	D1.1401	South West/ Tây Nam	88	95.9	4,072,016,239	17,155,043	405,486,120	4,477,502,359	81,440,325
147	3PN	D1	15	01	D1.1501	South West/ Tây Nam	88	95.9	4,133,505,731	17,155,043	411,635,069	4,545,140,800	82,670,115
148	3PN	D2	12	02	D2.1202	North West/ Tây Bắc	91.5	98.1	4,505,877,926	17,837,346	448,804,058	4,954,681,984	90,117,559
149	3PN	D2	13	02	D2.1302	North West/ Tây Bắc	91.5	98.1	4,505,765,279	17,837,346	448,792,793	4,954,558,072	90,115,306
150	3PN	D2	17	02	D2.1702	North West/ Tây Bắc	91.5	98.1	4,665,853,560	17,837,346	464,801,621	5,130,655,181	93,317,071
151	3PN	D3	02	06	D3.0206	South East/ Đông Nam	92.7	99.5	4,224,532,373	18,071,278	420,646,110	4,645,178,483	84,490,647
152	3PN	D3	03	02	D3.0302	North East/ Đông Bắc	92.7	99.5	4,245,761,179	18,071,278	422,768,990	4,668,530,169	84,915,224
153	3PN	D3	03	03	D3.0303	South East/ Đông Nam	93.3	99.6	4,273,241,834	18,188,245	425,505,359	4,698,747,193	85,464,837
154	3PN	D3	03	07	D3.0307	South East/ Đông Nam	92.7	99.5	4,245,761,179	18,071,278	422,768,990	4,668,530,169	84,915,224
155	3PN	D3	04	02	D3.0402	North East/ Đông Bắc	92.7	99.5	4,182,179,315	18,071,278	416,410,804	4,598,590,119	83,643,586
156	3PN	D3	04	03	D3.0403	South East/ Đông Nam	93.3	99.6	4,209,248,437	18,188,245	419,106,019	4,628,354,456	84,184,969
157	3PN	D3	04	07	D3.0407	South East/ Đông Nam	92.7	99.5	4,182,179,315	18,071,278	416,410,804	4,598,590,119	83,643,586
158	3PN	D3	05	07	D3.0507	South East/ Đông Nam	92.7	99.5	4,267,203,342	18,071,278	424,913,206	4,692,116,548	85,344,067
159	3PN	D3	07	07	D3.0707	South East/ Đông Nam	92.7	99.5	4,331,748,551	18,071,278	431,367,727	4,763,116,278	86,634,971
160	3PN	D3	13	03	D3.1303	South East/ Đông Nam	93.3	99.6	4,447,637,624	18,188,245	442,944,938	4,890,582,562	88,952,752
161	DP-3PN	D2	03	07	D2.0307	North West/ Tây Bắc	124.5	134.6	6,401,745,271	24,270,487	637,747,478	7,039,492,749	128,034,905